

Bản án số: 169/2018/DS-PT
Ngày 13/11/2018
V/v tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long

Ông Trần Quốc Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông Trần Thanh Tuấn, Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018; về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154B/2018/QĐ-PT ngày 25/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mộng L; địa chỉ: số 1.18 (số mới 323) đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Đức Đ; địa chỉ: tổ 1, số 19 đường XY, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Công D; địa chỉ: số 1.17 (số mới 321) đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2014). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Văn N, Văn phòng luật sư Q thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Minh Đ1; xin xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 92 đường LTHG, phường T, Quận YY, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Lê Chí H; địa chỉ: Canada, V5Y2T1. Vắng mặt.

3.4. Ông Lê Chí N, vắng mặt.

3.5. Ông Lê Chí Tr, vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 02 đường LTP, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.6. Bà Nguyễn Thị H1 (không xác định được địa chỉ hiện tại); địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 13 đường L, phường X2, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Quý T1; địa chỉ: France. Xin xét xử vắng mặt.

3.8. Ông Nguyễn Quý T2; địa chỉ: France. Xin xét xử vắng mặt.

3.9. Ông Lê Mộng Đ2; địa chỉ: Số 35 đường NT, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Mộng Đ2: ông Nguyễn Công D (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2014). Có mặt.

3.10. Bà Nguyễn Thị K; địa chỉ: Đội 5, xã D6, huyện D7, tỉnh Khánh Hòa. Xin xét xử vắng mặt.

3.11. Ông Nguyễn Quang Kh, xin xét xử vắng mặt.

3.12. Ông Nguyễn Công D, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 1.17 (số mới 321) đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Công D: Luật sư Trần Văn N, văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.13. Bà Nguyễn Thị L1, địa chỉ: Tổ 3, thôn V2 (số mới là 87 đường XY), xã V1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa; xin xét xử vắng mặt.

3.14. Ông Nguyễn Trung D1

3.15. Bà Nguyễn Thị Thu L2

Cùng địa chỉ: Tổ 3, thôn V2 (số mới là 87 đường XY), xã V1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.16. Bà Nguyễn Thị Đoan Tr; địa chỉ: Số 69 đường NĐK, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.17. Bà Nguyễn Thị Khải T3; địa chỉ: Số 22 Chung cư NGT, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự được đánh số thứ tự từ số 3.14 đến số 3.17 đều ủy quyền cho

bà Nguyễn Thị L1 (văn bản ủy quyền ngày 08/7/2014); xin xét xử vắng mặt.

3.18. Ông Nguyễn Văn L2; địa chỉ: Số 87 đường XY, xã V1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L2: Ông Nguyễn Công D (văn bản ủy quyền ngày 07/7/2014), có mặt.

3.19. Ông Nguyễn Ph; địa chỉ: Tổ 3, Thôn V2, xã V1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3.20. Bà Trần Thị C; địa chỉ: Số 87 đường XY, xã V1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa; xin xét xử vắng mặt.

3.21. Ông Nguyễn Đăng L3

3.22. Ông Nguyễn Duy L4

3.23. Ông Nguyễn Vy L5

Cùng địa chỉ: Tổ 3, Thôn V2, xã V1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự được đánh số thứ tự từ số 3.21 đến số 3.23 đều ủy quyền cho bà Trần Thị C (văn bản ủy quyền ngày 31/7/2014), xin xét xử vắng mặt.

3.24. Ông Lê Quang L6; địa chỉ: Số 80 đường LVT, Phường YY, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. xin xét xử vắng mặt.

3.25. Ông Lê Đức D2; địa chỉ: Tổ 1, đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.26. Bà Lê Mỹ L7 (Lê Thị Mỹ L7); địa chỉ: Số 323 đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.27. Ông Huỳnh Đ3; địa chỉ: Tổ 21, thôn HN, xã V3, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.28. Ông Huỳnh D1

3.29. Bà Huỳnh Thị Ngọc B1

3.30. Ông Huỳnh Trí N1

3.31. Bà Huỳnh Thị Ngọc B2

3.32. Bà Huỳnh Thị Phi C1

3.33. Ông Huỳnh Thật T4

3.34. Ông Huỳnh Trí H1

Cùng địa chỉ: Thôn XN, xã V3, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.35. Bà Huỳnh Thị Ngọc D3

Địa chỉ: Tổ 5, NH, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.36. Bà Huỳnh Thị Thanh Th1

Địa chỉ: Số 321 đường ĐK, HR, phường V4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.37. Bà Phan Thị Thanh H2; địa chỉ: Tổ 4, Thôn V2, xã V1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.38. Ông Phan Thanh Ng; địa chỉ: Số 763/5/24 đường TC, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.39. Ông Phan Thừa T5

3.40. Bà Phan Thị Thanh H3

3.41. Bà Phan Thị Thanh T6

3.42. Bà Kiều Thị H4

Cùng địa chỉ: Số 323 đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.43. Bà Kiều Thị S; địa chỉ: Số 30 đường TV, phường P1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

3.44. Bà Lê Thị H5; địa chỉ: Tổ 2, Thôn V2, xã V1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự được đánh số thứ tự từ số 3.24 đến số 3.44 đều ủy quyền cho bà Lê Thị Mộng L (các văn bản ủy quyền ngày 17/6/2016, 13/7/2016, ngày 14/7/2016, ngày 15/7/2016, ngày 18/7/2016 và 27/12/2016); xin xét xử vắng mặt.

3.45. Bà Đặng Thị L8; địa chỉ: MN 55117, USA; vắng mặt.

3.46. Bà Đặng Thị L9; địa chỉ: MN 55113, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lợi: Bà Đặng Thị L10; địa chỉ: Số 3.05B (số mới 274) đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017); xin xét xử vắng mặt.

3.48. Ông Đặng Công Th2; Địa chỉ: Tokyo, Japan. 3.49. Vắng mặt.

3.49. Ông Đặng H6 chết ngày 28/3/2017.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng H6:

- Bà Phan Thị Mỹ D4;

- Ông Đặng Anh H7; vắng mặt.

- Cháu Đặng Minh C3 - Sinh ngày 10/12/2003;

- Cháu Đặng Minh Kh1 - Sinh ngày 31/8/2006.

Cùng địa chỉ: Số 130 đường XY, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Phan Thị Mỹ D4 là người đại diện hợp pháp của hai cháu Đặng Minh C3 và Đặng Minh Kh1.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Mỹ D4: Bà Lê Thị Mộng L (văn bản ủy quyền ngày 12/6/2017); xin xét xử vắng mặt.

3.50. Ông Đặng Công H8; Địa chỉ: Số 56 đường XY, phường P1, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa; là người kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Công H8: Ông Lê Văn T7; địa chỉ: Số 40/1 đường HT, phường V5, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2016); có mặt.

3.51. Bà Đặng Thị L10; địa chỉ: Số 3.05B (số mới 274) đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa; xin xét xử vắng mặt.

3.52. Bà Bùi Thị Ph1; địa chỉ: Số 1.18 (số mới 323) đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền có bà Lê Thị Mộng L; địa chỉ: Số 1.18 (số mới 323) đường XY, phường N4, thành phố N5, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 13/9/2017); xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Mộng L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Lê Quang L6, Lê Đức D2, Lê Mỹ L7, Huỳnh Đ3, Huỳnh D1, Huỳnh Thị Ngọc B1, Huỳnh Trí N1, Huỳnh Thị Ngọc B2, Huỳnh Thị Phi C1, Huỳnh Thật T4, Huỳnh Trí H1, Huỳnh Thị Ngọc D3, Huỳnh Thị Thanh Th1, Phan Thị Thanh H2, Phan Thanh Ng, Phan Thừa T5, Phan Thị Thanh H3, Phan Thị Thanh T6, Kiều Thị H4, Kiều Thị S, Kiều Thị H9, Phan Thị Mỹ D4 và Bùi Thị Ph1 cùng trình bày:

Tại mục 4.3 phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định như sau: “Các ông, bà: Nguyễn Thị T8; Nguyễn Thị Đ4; các con của ông Nguyễn Quý K1 là Nguyễn Thị K2, Nguyễn Quý T1, Nguyễn Quý T2 và Nguyễn Thị H1 đồng kế thừa kỷ phần thừa kế của ông K1; các con của bà Nguyễn Thị N2 là Lê Mộng Đ2 và Lê Thị Th3 đồng kế thừa kỷ phần thừa kế của bà N2 (bà Lê Thị Th3 chết có người con duy nhất là Lê Đức Đ kế thừa phần của bà Th3); con của ông Nguyễn Phú H10 là Nguyễn Thị K kế thừa kỷ phần thừa kế của ông H10; các con của ông Nguyễn L13 là Nguyễn Văn L11, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn L12, Nguyễn Văn Ph2 đồng kế thừa kỷ phần thừa kế của ông L13; bà Nguyễn Thị L1 và 04 người con là Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thị Doan Tr, Nguyễn Thị Khải T3, Nguyễn Trung D1 đồng kế thừa phần của ông Nguyễn Văn L11; bà Trần Thị C và 03 người con là Nguyễn Đăng L3, Nguyễn Duy L4 và Nguyễn Vy L5 đồng kế thừa phần của ông Nguyễn Văn L12. Đồng sở hữu, nhận chung 06 kỷ phần thừa kế trị giá là 10.391.683.782đ, được nhận bằng hiện vật gồm các công trình kiến trúc, nhà trên thửa đất số 12.

a/ Các công trình kiến trúc, nhà ở gồm có: Căn nhà 1c diện tích: 38m² (có

bản vẽ kèm theo); Căn nhà dưới diện tích: $97,97m^2$; Sân xi măng diện tích: $67,85m^2$; Bể chứa nước xây gạch diện tích: $4,75m^2$; Mái che diện tích: $29,35m^2$; Tường rào xây gạch dài: $151,92m^2$; 01 giếng khoan.

b/ - Lô đất có diện tích: $161,70m^2$, thửa đất số 12, tiếp giáp mặt đường XY tại Tổ 1, Thôn V2, Phường N4, Thành phố N5, lô đất có ký hiệu B (đính kèm sơ đồ).

- Lô đất có diện tích: $1378m^2$, trong đó, có $61m^2$ diện tích quy hoạch giao thông tại Tổ 1, Thôn V2, Phường N4, Thành phố N5, lô đất có ký hiệu D (đính kèm sơ đồ)."

Bản án phúc thẩm số 36/2011/DSPT ngày 31/3/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng chỉ sửa phần án phí đối với bà Nguyễn Thị G và giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm. Như vậy, theo bản án dân sự số 03/2010 trên thì những người thừa kế được nhận chung kỷ phần bao gồm các tài sản được nêu tại điểm a, b mục 4.3 phần quyết định của bản án. Nay những người thừa kế được nhận chung tài sản không thể tự mình phân chia tài sản trên được, nên đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Lô đất có diện tích: $161,70m^2$, thửa đất số 12, tiếp giáp mặt đường XY tại Tổ 1, Thôn V2, Phường N4, Thành phố N5 (lô đất có ký hiệu B theo sơ đồ kèm theo bản án chia thừa kế trước đây) bà Nguyễn Thị T8 và một số đồng thừa kế khác đã cho bà X1; khi bà X1 chết để lại cho con trai là ông Nguyễn Quang Kh và hiện ông Kh đang quản lý, sử dụng.

Lô đất $1.378m^2$ được nêu tại điểm b mục 4.3 của bản án chia thừa kế trước đây được đo lại có diện tích $1.372,3m^2$ (theo bản trích đo địa chính thửa đất ngày 05/9/2014), đây là sai số trong đo đạc, bà yêu cầu giải quyết theo diện tích đo thực tế. Lô đất này hiện các đồng thừa kế nêu tại Mục 4.3 của bản án chia thừa kế đang quản lý. Quá trình giải quyết vụ án, bà rút yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất hẻm quy hoạch 04m và phần đất có ký hiệu B diện tích $77,8m^2$ theo bản trích đo địa chính thửa đất trên. Bà yêu cầu mở đường đi rộng 3,5m ở phía Nam lô đất để làm đường đi nội bộ chung. Phần còn lại chia đều cho 06 nhánh thừa kế; mỗi nhánh trích ra $20m^2$ tạo thành lô đất $120m^2$ để làm nhà từ đường. Phần thừa kế của bà T8 thống nhất cho ông Nguyễn Công D $45m^2$. Các nhánh thừa kế đã nhất trí vị trí lô đất các nhánh được nhận như sau: Lô số 1 giáp với hẻm quy hoạch giao thông là $120m^2$ để xây nhà từ đường, tiếp theo là lô số 2, 3, 4, 5, 6, 7 theo thứ tự các nhánh bà Nguyễn Thị T8, nhánh ông Nguyễn Phú H10, nhánh ông Nguyễn L13, nhánh bà Nguyễn Thị Đ4, nhánh ông Nguyễn Quý K1 và nhánh bà Nguyễn Thị N2 nhận. Phần nhà và vật kiến trúc trên thửa đất $1.372,3m^2$ đã cũ nát, không còn mấy giá trị nên không yêu cầu giải quyết, đất được chia cho nhánh nào thì nhánh đó được hưởng nhà trên đất. Do tại phiên tòa, người đại diện của ông Đặng Công H8 đề nghị Tòa án tính phần thừa kế của ông H8 để ông H8 nhận đối với giá trị nhà nên yêu cầu

Tòa án giải quyết như yêu cầu của ông H8, tránh tranh chấp.

Đồng thời, Bà đề nghị xác định giá đất theo bản án chia thừa kế trước đây, cụ thể lô đất mặt đường 161,70m² được định giá 22.050.000 đồng/m² và lô đất phía trong 1.372,3m² được định giá 5.071.500 đồng/m². Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa án giảm tiền án phí cho tất cả các đương sự vì vụ án đã kéo dài nhiều năm và cùng một khối tài sản mà các đương sự đã phải nộp án phí chia thừa kế, nay lại phải nộp án phí chia tài sản chung một lần nữa.

Ông Nguyễn Công D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Đức Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Mộng Đ2, ông Nguyễn Văn L2, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

Trong giai đoạn thi hành án, đối với lô đất có diện tích 1.378m² (ký hiệu D theo sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa), tọa lạc tại Tổ 1, Thôn V2, Phường N4, Thành phố N5, ông và các ông, bà Trần Thị C, Nguyễn Đăng L3, Nguyễn Duy L4, Nguyễn Vy L5, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Thu L2, Nguyễn Thị Đoan Tr, Nguyễn Thị Khải T3, Nguyễn Trung D1, Nguyễn Thị K, Lê Đức Đ, Lê Mộng Đ2, Lê Thị Mộng L có lập văn bản thỏa thuận nội dung:

- Ông Lê Đức Đ và ông Lê Mộng Đ2 (nhánh bà Nguyễn Thị N2) cho ông hưởng phần quyền của họ đối với phần đất họ được hưởng theo bản án.

- Ông Nguyễn Văn L2 (nhánh ông Nguyễn L13) cho ông hưởng 15m² đất trong phần đất ông Long được hưởng theo bản án sơ thẩm trên.

- Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Thu L2, bà Nguyễn Thị Đoan Tr, bà Nguyễn Thị Khải T3, ông Nguyễn Trung D1 (nhánh ông Nguyễn L13) cho ông hưởng 7,5m² đất trong phần đất họ được hưởng theo bản án sơ thẩm trên.

- Bà Trần Thị C, ông Nguyễn Đăng L3, ông Nguyễn Duy L4, ông Nguyễn Vy L5 (nhánh ông Nguyễn L13) cho ông hưởng 7,5m² đất trong phần đất họ được hưởng theo bản án sơ thẩm trên.

- Bà Nguyễn Thị K (nhánh ông Nguyễn Phú H10) cho ông hưởng 45m² đất trong phần đất bà K được hưởng.

- Bà Lê Thị Mộng L (nhánh bà Nguyễn Thị T8) cho ông hưởng 47m² đất trong phần đất bà T8 được hưởng.

- Bà Lê Thị Minh Đ1 (nhánh Nguyễn Quý K1) cho ông hưởng 30m² đất trong phần đất ông Nguyễn Quý T1 và ông Nguyễn Quý T2 được hưởng.

Do đó, ông Danh yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với lô đất có diện tích 1.378m², tọa lạc tại tổ 1, Thôn V2, phường N4, Thành phố N5. Ông thống nhất hoàn toàn với phần trình bày của bà Lê Thị Mộng L. Ông cũng đồng ý trích ra

20m² từ phần đất được cho để xây nhà từ đường. Ông tự nguyện thanh toán cho ông Đặng Công H8 kỹ phần của ông H8 đối với nhà và vật kiến trúc trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Quang Kh trình bày:

Theo Bản án sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, ông và mẹ ông là bà Đặng Thị X1 cùng các anh em của ông phải giao trả lô đất có diện tích 161,7m² thuộc thửa đất số 12 tọa lạc tại 1.17 đường XY, Tổ 1, Thôn V2, phường N4, Thành phố N5 (lô đất có ký hiệu B theo sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm) cho những người thừa kế theo mục 4.3 của bản án sơ thẩm.

Trong giai đoạn thi hành án, bà X1 và các ông, bà Nguyễn Quý T1, Nguyễn Quý T2 (nhánh ông Nguyễn Quý K1); Trần Thị C, Nguyễn Đăng L3, Nguyễn Duy L4, Nguyễn Vy L5, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thị Đoan Tr, Nguyễn Thị Khải T3, Nguyễn Trung D1, Nguyễn Văn Ph2 (nhánh ông Nguyễn L13); Nguyễn Thị Đ4; Nguyễn Thị K (nhánh ông Nguyễn Phú H10); Lê Đức Đ, Lê Mộng Đ2 (nhánh bà Nguyễn Thị N2) và Nguyễn Thị T8 có lập các văn bản thỏa thuận cho bà X1 hưởng phần của họ tại lô đất trên. Bà X1 mất ngày 01/6/2014, để lại di chúc cho ông hưởng toàn bộ phần đất mà bà X1 được nhận theo các văn bản thỏa thuận giữa bà X1 và các ông, bà nêu trên. Nay, ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với lô đất và giao cho ông phần đất ông được hưởng theo các bản đã thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Công H8 trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mộng L và đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đình chỉ việc giải quyết vụ án với lý do Tòa án vi phạm thủ tục tố tụng vì vụ án này đã được xét xử theo Bản án số 03/2010/DS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bản án số 36/2011/DSPT của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp Tòa án vẫn chia tài sản chung thì Ông đề nghị được nhận bằng hiện vật quyền sử dụng đất và được nhận kỹ phần của Ông đối với giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Lê Thị Minh Đ1, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Quý T1, Nguyễn Quý T2, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Trung D1, Nguyễn Thị Thu L2, Nguyễn Thị Đoan Tr, Nguyễn Thị Khải T3, Trần Thị C, Nguyễn Đăng L3, Nguyễn Duy L4, Nguyễn Vy L5, Đặng Thị L10, Nguyễn Ph đều thống nhất như nội dung trình bày của bà Lê Thị Mộng L.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 216, Điều 220, Điều 224 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung đối với phần đất hẻm quy hoạch 04m và phần đất có ký hiệu B trong thửa đất 1.372m² theo trích đo địa chính kèm theo bản án (trích đo từ thửa 304 + [279 (trích một phần)] tờ bản đồ số 41 [356 599-2- (9)] thuộc bộ bản đồ địa chính phường N4, Thành phố N5, tọa lạc tại Tổ 1, Thôn V2, Phường N4, Thành phố N5.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mộng L và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang Kh và ông Nguyễn Công D về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng lô đất 161,7m² địa chỉ: Số 1.17 (số mới 321) đường XY, phường N4, thành phố N5 (là lô đất có ký hiệu B theo sơ đồ kèm theo Bản án số 03/2010/DS-ST ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) và lô đất diện tích 1.232,1m² theo trích đo địa chính kèm theo bản án (trích đo từ thửa 304 + [279 (trích một phần)] tờ bản đồ số 41 [356 599-2- (9)] thuộc bộ bản đồ địa chính phường N4, thành phố N5, tọa lạc tại Tổ 1, Thôn V2, Phường N4, Thành phố N5.

2.1. Ông Nguyễn Quang Kh được quyền sử dụng lô đất 161,7m² địa chỉ: Số 1.17 (số mới 321) đường XY, phường N4, thành phố N5 (là lô đất có ký hiệu B theo sơ đồ kèm theo Bản án số 03/2010/DS-ST ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) và phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H1 148.561.800đ và thanh toán cho các ông Lê Chí N, Lê Chí Tr, Lê Chí H mỗi người 37.140.500đ. Các ông, bà Nguyễn Thị H1, Lê Chí N và Lê Chí Tr hiện không xác định được địa chỉ nên bà Lê Thị Minh Đ1 có trách nhiệm nhận thay số tiền trên cho các ông, bà Nguyễn Thị H1, Lê Chí N và Lê Chí Tr từ ông Nguyễn Quang Kh và có trách nhiệm quản lý, giao lại số tiền này cho các ông, bà Nguyễn Thị H1, Lê Chí N, Lê Chí Tr.

2.2. Xác định phần đất diện tích 211,3m² có ký hiệu C theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án là lối đi chung cho tất cả các chủ sử dụng đất từ lô đất số 01 đến lô đất số 07 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự góp 120,2m² đất là lô đất số 01 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án để xây nhà từ đường làm nơi thờ cúng ông bà. Người đứng tên sử dụng đất gồm: những người thừa kế của bà Nguyễn Thị T8 là các ông, bà Lê Thị H5, Kiều Thị H4 và Kiều Thị S, Bùi Thị Ph1, Lê Quang L6, Lê Đức D2, Lê Mỹ L7, Lê Thị Mộng L, Huỳnh Đ3, Huỳnh D1, Huỳnh Thị Ngọc B1, Huỳnh Trí N1, Huỳnh Thị Ngọc B2, Huỳnh Thị Phi C1, Huỳnh Nhật T10, Huỳnh Trí H1, Huỳnh Thị Ngọc D3, Huỳnh Thị Thanh Th1, Phan Thừa T5, Phan Thị Thanh H3, Phan Thị Thanh T6, Phan Thị Thanh H2 và Phan

Thanh Ng (do bà Lê Thị Mộng L đứng tên đại diện); bà Nguyễn Thị L1 và các con Nguyễn Thị Thu L2, Nguyễn Thị Đoan Tr, Nguyễn Thị Khải T3 và Nguyễn Trung D1 (do bà Nguyễn Thị L1 đứng tên đại diện); bà Trần Thị C và các con Nguyễn Đăng L3, Nguyễn Duy L4 và Nguyễn Vy L5 (do bà Trần Thị C đứng tên đại diện) và các ông, bà Đặng Thị L10, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Ph, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Minh Đ1.

Đây là tài sản chung hợp nhất, không ai được quyền chuyển dịch quyền sử dụng đất dưới bất kỳ hình thức nào.

2.4. Các ông, bà Lê Thị H5, Kiều Thị H4 và Kiều Thị S, Bùi Thị Ph1, Lê Quang L6, Lê Đức D2, Lê Mỹ L7, Lê Thị Mộng L, Huỳnh Đ3, Huỳnh D1, Huỳnh Thị Ngọc B1, Huỳnh Trí N1, Huỳnh Thị Ngọc B2, Huỳnh Thị Phi C1, Huỳnh Nhật T10, Huỳnh Trí H1, Huỳnh Thị Ngọc D3, Huỳnh Thị Thanh Th1, Phan Thừa T5, Phan Thị Thanh H3, Phan Thị Thanh T6, Phan Thị Thanh H2 và Phan Thanh Ng (do bà Lê Thị Mộng L đứng tên đại diện người sử dụng đất) được quyền sử dụng chung theo phần lô đất diện tích 103,1m² có ký hiệu lô số 02 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án. Phần của mỗi người được xác định như sau:

- Các bà Lê Thị H5, Kiều Thị H4 và Kiều Thị S mỗi người được hưởng 1/6 lô đất;

- Bà Bùi Thị Ph1 và các con là Lê Quang L6, Lê Đức D2, Lê Mỹ L7 và Lê Thị Mộng L mỗi người được hưởng 1/30 lô đất;

- Các ông, bà Huỳnh Đ3, Huỳnh D1, Huỳnh Thị Ngọc B1, Huỳnh Trí N1, Huỳnh Thị Ngọc B2, Huỳnh Thị Phi C1, Huỳnh Nhật T10, Huỳnh Trí H1, Huỳnh Thị Ngọc D3, Huỳnh Thị Thanh Th1 mỗi người được hưởng 1/60 lô đất.

- Ông Phan Thừa T5 và các con là Phan Thị Thanh H3, Phan Thị Thanh T6, Phan Thị Thanh H2, Phan Thanh Ng mỗi người được hưởng 1/30 lô đất.

2.5. Bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng lô đất diện tích 105,1m² có ký hiệu lô số 03 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án.

2.6. Các ông, bà Nguyễn Văn L2, Nguyễn Ph, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Đoan Tr, Nguyễn Thị Khải T3, Nguyễn Trung D1, Nguyễn Thị Thu L2, Trần Thị C, Nguyễn Đăng L3, Nguyễn Duy L4 và Nguyễn Vy L5 được quyền sử dụng chung theo phần lô đất có diện tích 120m² có ký hiệu lô số 04 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án. Phần của mỗi người được xác định như sau:

- Ông Nguyễn Văn L2 được quyền sử dụng 22,5m² đất; Ông Nguyễn Ph được quyền sử dụng 37,5m² đất;

- Bà Nguyễn Thị L1 và các con là Nguyễn Thị Đoan Tr, Nguyễn Thị Khải T3, Nguyễn Trung D1 và Nguyễn Thị Thu L2 được quyền sử dụng 30m² đất;

- Bà Trần Thị C và các con là Nguyễn Đăng L3, Nguyễn Duy L4 và Nguyễn Vy L5 được quyền sử dụng 30m² đất.

2.7. Các ông, bà Đặng Thị L10, Đặng Công H8, Phan Thị Mỹ D4 và các con bà Dung là Đặng Anh H7, Đặng Minh C3 và Đặng Minh Kh1 được quyền sử dụng chung theo phần lô đất có diện tích 150,2m² có ký hiệu lô số 05 theo trích đo địa chính thửa đất kèm bản án. Phần của mỗi người được xác định như sau:

- Bà Đặng Thị L10 được quyền sử dụng 89,4m² đất;
- Ông Đặng Công H8 được quyền sử dụng 36,5m² đất;
- Bà Phan Thị Mỹ D4 và các con bà Dung là Đặng Anh H7, Đặng Minh C3 và Đặng Minh Kh1 được quyền sử dụng 24,3m² đất.

Bà Đặng Thị L10 phải thanh toán cho các ông, bà Đặng Thị L8, Đặng Công Hòa và Đặng Công Th2 mỗi người 123.237.400đ.

Ông Đặng Công H8 được nhận thêm kỷ phần của ông H8 đối với nhà và vật kiến trúc trên đất là 1.938.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Công D thanh toán cho Đặng Công H8 số tiền 1.938.000đ này.

2.8. Bà Lê Thị Minh Đ1 được quyền sử dụng lô đất có diện tích 120,1m² có ký hiệu lô số 06 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án.

Bà Lê Thị Minh Đ1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H1 215.665.500đ, thanh toán cho các ông Lê Chí N, Lê Chí Tr và Lê Chí H mỗi người 53.916.400đ. Các ông, bà Nguyễn Thị H1, Lê Chí N và Lê Chí Tr hiện không xác định được địa chỉ nên bà Lê Thị Minh Đ1 có trách nhiệm quản lý và giao lại số tiền trên cho Nguyễn Thị H1, Lê Chí N và Lê Chí Tr.

2.9. Ông Nguyễn Công D được quyền sử dụng lô đất có diện tích 302,1m² ký hiệu lô số 07 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án.

2.10. Nhà và vật kiến trúc có trên đất thuộc lô đất của chủ sử dụng đất nào thì người đó được hưởng.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Công D đối với những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ4 và ông Nguyễn Ph về việc trả số tiền ông đã nộp phí thi hành án thay cho bà Đụng và ông Ph2, cụ thể:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị L10 thanh toán cho ông Nguyễn Công D 33.333.000đ chi phí thi hành án ông Danh đã nộp thay cho bà Đụng

- Ông Nguyễn Ph phải thanh toán cho ông Nguyễn Công D 8.333.000đ chi phí thi hành án ông Danh đã nộp thay cho ông Ph2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2017 ông Lê Văn T7 là đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Công H8 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng trong xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của người kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và đình chỉ việc giải quyết vụ án với lý do: vụ việc đã được giải quyết bởi bản án Bản án sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm có ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự 2015; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Tại mục 4.3 phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định là 06 nhánh thừa kế của cụ Nguyễn Tiền và Nguyễn Thị D5 là Nguyễn Thị T8, Nguyễn Thị Đ4, Nguyễn Quý K1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Phú H10 và Nguyễn L13 là đồng sở hữu, nhận chung 06 kỷ phần thừa kế trị giá là 10.391.683.782đ, được nhận bằng hiện vật gồm các công trình kiến trúc, nhà trên thửa đất số 12.

a/ Các công trình kiến trúc, nhà ở gồm có:

- Căn nhà 1c diện tích: $38m^2$ (có bản vẽ kèm theo)
- Căn nhà dưới diện tích: $97,97m^2$
- Sân xi măng diện tích: $67,85m^2$
- Bể chứa nước xây gạch diện tích: $4,75m^2$
- Mái che diện tích: $29,35m^2$
- Tường rào xây gạch dài: $151,92m^2$
- 01 giếng khoan

b/ - Lô đất có diện tích: $161,70m^2$, thửa đất số 12, tiếp giáp mặt đường XY tại Tổ 1, Thôn V2, Phường N4, Thành phố N5, lô đất có ký hiệu B (đính kèm sơ đồ).

- Lô đất có diện tích: $1378m^2$, trong đó, có $61m^2$ diện tích quy hoạch giao thông tại Tổ 1, Thôn V2, Phường N4, Thành phố N5, lô đất có ký hiệu D (đính kèm sơ đồ)."

Nay những người thừa kế được nhận chung tài sản không thể tự mình phân chia theo phần được, đã đề nghị Tòa án giải quyết phân chia. Cho nên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã thụ lý xét xử với quan hệ pháp luật "*tranh chấp chia tài sản chung*" là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tài sản tranh chấp trên là di sản thừa kế đã được xác định thuộc hình thức tài sản chung, nay các

đồng sở hữu chung có yêu cầu phân chia nên áp dụng Điều 224 Bộ luật dân sự 2005 để xét xử là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành thu thập chứng cứ, lập các thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo theo quy định, xác định đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; không có vi phạm thủ tục tố tụng, nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã phân chia tài sản chung trên theo kỹ phân của từng người, việc xác định giá trị kỹ phân tài sản và nhận tài sản trên thực tế đều phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu của hầu hết các đương sự trong vụ án. Cụ thể lô đất có diện tích $161,7m^2$ (ký hiệu B sơ đồ kèm bản án sơ thẩm số 03/2010) được giao quyền sử dụng cho ông Nguyễn Quang Kh. Lô đất có diện tích: $1378m^2$ nhưng sau khi đo đạc thực tế còn lại là $1.372m^2$, sau khi trừ đi phần đường hẻm quy hoạch là $62,4m^2$ và phần diện tích không yêu cầu phân chia là $77,8m^2$ (ký hiệu B sơ đồ kèm bản án sơ thẩm số 25/2017) còn lại $1.232,1m^2$ được phân chia gồm nhiều phần, trong đó phần đất diện tích $211,3m^2$ (có ký hiệu C) là lõi đi chung cho tất cả các chủ sử dụng đất từ lô đất số 01 đến lô đất số 07 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án sơ thẩm số 25/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự góp $120,2m^2$ đất (là lô đất số 01 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án) để xây nhà làm nơi thờ ông bà và sinh hoạt chung. Lô số 02 diện tích $103,1m^2$ theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án do bà Lê Thị Mộng L đứng tên đại diện người sử dụng đất (cho 23 người thuộc nhánh bà Nguyễn Thị T8) được quyền sử dụng chung theo phần đã được xác định cụ thể. Bà Nguyễn Thị K (thuộc nhánh Nguyễn Phú H10) được quyền sử dụng lô đất diện tích $105,1m^2$ có ký hiệu lô số 03 theo trích đo địa chính. Ông Nguyễn Văn L2 và 10 người có quyền lợi liên quan (thuộc nhánh ông Nguyễn L13) được quyền sử dụng chung theo phần lô đất có diện tích $120m^2$ có ký hiệu lô số 04 theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án. Lô số 6 bà Lê Thị Minh Đ1 được quyền sử dụng lô đất có diện tích $120,1m^2$ theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án. Lô số 7 ông Nguyễn Công D được quyền sử dụng có diện tích $302,1m^2$ theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án.

Đối với ông Đặng Công H8 được quyền sử dụng chung lô số 5, diện tích $150,2m^2$ (theo trích đo địa chính kèm theo bản án) cùng với bà Đặng Thị L10, Phan Thị Mỹ D4 và các con bà Dung là Đặng Anh H7, Đặng Minh C3, Đặng Minh Kh1, cũng đã được xác định rõ theo kỹ phân là:

- Bà Đặng Thị L10 được quyền sử dụng $89,4m^2$ đất;
- Ông Đặng Công H8 được quyền sử dụng $36,5m^2$ đất;
- Bà Phan Thị Mỹ D4 và các con bà Dung là Đặng Anh H7, Đặng Minh C3 và Đặng Minh Kh1 được quyền sử dụng $24,3m^2$ đất.

Việc phân chia theo Bản án sơ thẩm bảo đảm quyền lợi các bên, các đương sự khi nhận hiện vật có giá trị nhiều hơn kỹ phân của mình thì phải thối trả bằng giá

trị tương ứng cho những người có giá trị hiện vật ít hơn kỷ phần được nhận. Kỷ phần được nhận của các đương sự đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mỗi người.

Tài sản trên đất ông H8 cũng đã được phân chia 1.938.000 đồng trong tổng số tiền 81.398.800 đồng là đảm bảo.

[4] Từ những phân tích trên, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo chỉ đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án với lý do duy nhất là vụ việc đã được Bản án sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bản án phúc thẩm số 36/2011/DSPT ngày 31/3/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng giải quyết; không xuất trình chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đặng Công H8 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Công H8 (thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T7), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Đặng Công H8 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000386 ngày 25/10/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Đặng Công H8 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Tấn Long**